

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 355/2024/DS-ST

Ngày: 23-8-2024.

V/v tranh chấp: “Đòi lại tài sản;
hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chính.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, về việc tranh chấp “Đòi lại tài sản; hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1977.

Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp T, xã B, thành phố G, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Văn D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khu phố 6, phường 2, thành phố G, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Nguyễn Hữu H, sinh năm 1985.

Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

(Ông D, anh H có mặt. Chị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn N; ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ngày 19/10/2020; chị H, anh N cho anh H, chị S vay 50.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận.

Ngày 10/3/2021, chị H, anh N cho anh H, chị S vay 50.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận.

Anh H, chị S vay của chị H, anh N để trả nợ mua dầu bơm bùn cho khách, tính đến ngày 04/10/2021 nợ chị H, anh N 45.008.000 đồng.

Anh H, chị S nợ tiền mua ống nước của chị H, anh N, tính đến ngày 04/10/2021 nợ chị H, anh N 42.764.000 đồng.

Tổng cộng anh H, chị S nợ chị H, anh N 187.772.000 đồng.

Ông D (đại diện theo ủy quyền của chị H, anh N) yêu cầu anh Hiệp và chị S trả cho chị H và anh N 187.772.000 đồng và lãi suất, như sau:

Đối với số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 19/10/2020, tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 19/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 10/3/2021, tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 10/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với số tiền vay mua dầu 45.008.000 đồng, tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 04/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với số tiền nợ mua ống nước 42.764.000 đồng, tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 04/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:*

Ngày 19/10/2020, anh H, chị S vay của chị H, anh N 50.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận.

Ngày 10/3/2021, anh H, chị S vay của chị H, anh N 50.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận.

Anh H, chị S mượn tiền nhiều lần của chị H, anh N để mua dầu bơm bùn cho khách, tính đến ngày 04/10/2021 nợ chị H, anh N 45.008.000 đồng.

Anh H, chị S mua ống nước của chị H, anh N, tính đến ngày 04/10/2021 còn nợ chị H, anh N 42.764.000 đồng.

Trong thời gian vay tiền, anh H, chị S có trả tiền lãi vay cho chị H, anh N. Hiện nay, anh H, chị S còn nợ chị H, anh N 187.772.000 đồng.

Anh H đồng ý trả lại cho chị H và anh N 187.772.000 đồng; xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng; thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ.

Anh H không đồng ý trả tiền lãi vay cho chị H, anh N vì thời hiện khởi kiện về hợp đồng vay tài sản đã hết.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo bản tự khai, chị S trình bày:*

Chị S là vợ của anh H. Chị S thống nhất theo ý kiến, lời trình bày của anh H.

*** Ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H và anh N.

Buộc anh H và chị S trả cho chị H và anh N số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 19/10/2020 và 50.000.000 đồng vay ngày 10/3/2021. Không chấp nhận chị H, anh N tính lãi suất 1,66%/tháng.

Buộc anh H, chị S trả cho chị H, anh N tiền nợ mượn mua dầu 45.008.000 đồng và tiền nợ mua ống nước 42.764.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng.

Trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp: “Đòi lại tài sản; hợp đồng mua bán tài sản”. Căn cứ, giải quyết theo quy định các Điều 166, 430, 440 Bộ luật dân sự.

[2] Chị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên xét xử vắng mặt chị S theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, xét thấy:

- Ngày 19/10/2020; chị H, anh N cho anh H, chị S vay 50.000.000 đồng; ngày 10/3/2021, cho anh H, chị S vay 50.000.000 đồng; ngày 04/10/2021, anh H, chị S nợ chị H, anh N tiền nợ mượn mua dầu 45.008.000 đồng. Anh H, chị S mua ống nước tính đến ngày 04/10/2021 nợ chị H, anh N 42.764.000 đồng. Tổng cộng anh H, chị S nợ chị H và anh N 187.772.000 đồng. Anh H thừa nhận anh H và chị S có nợ chị H và anh N tổng số tiền 187.772.000 đồng.

- Về tiền lãi:

+ Do anh H, chị S chậm trả tiền, nên chị H và anh N yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng đối với tiền mượn nợ mua dầu 45.008.000 đồng và tiền nợ mua ống nước 42.764.000 đồng như trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự; nên chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: 45.008.000 đồng tính từ ngày 04/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/8/2024 là 34 tháng 19 ngày: $45.008.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 34 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 12.937.812 \text{ đồng}$; 42.764.000 đồng tính từ ngày 04/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/8/2024 là 34 tháng 19 ngày: $42.764.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 34 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 12.292.783 \text{ đồng}$; tổng số tiền lãi anh H, chị phải trả cho chị H và anh N là 25.230.595 đồng.

+ Đối với số tiền 50.000.000 đồng vay từ ngày 19/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/8/2024 là 46 tháng 04 ngày: $50.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng \times 46 \text{ tháng} 04 \text{ ngày} = 38.290.668 \text{ đồng}$ và số tiền 50.000.000 đồng vay từ ngày 10/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/8/2024 là 41 tháng 13 ngày: $50.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng \times 41 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 34.389.671 \text{ đồng}$; tổng cộng lãi là 72.680.339 đồng. Tuy nhiên xét thấy thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay đã hết; đồng thời tại phiên tòa, anh H yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện; nên chị H, anh N yêu cầu tính lãi suất vay 1,66%/tháng là không có cơ sở; nên không chấp nhận.

Anh H yêu cầu trả cho chị H, anh N 187.772.244 đồng, trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ; không đồng ý trả tiền lãi; nhưng đại diện của chị H, anh N không đồng ý. Do đó, chấp nhận chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H và anh N. Anh H và chị S phải có nghĩa vụ trả cho chị H và anh N số tiền 213.002.839 đồng (trong đó vốn 187.772.244 đồng, lãi 25.230.595 đồng); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp

luật. Không chấp nhận chị H và anh N yêu cầu anh Hi và chị S trả số tiền lãi vay 72.680.339 đồng.

[4] Về án phí: Anh Hi và chị S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 166, 430, 440 khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

- Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn Nh.

1. Buộc anh Nguyễn Hữu H và chị Nguyễn Thị Ngọc S có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn N số tiền 213.002.839 đồng (*Hai trăm mười ba triệu không trăm lẻ hai ngàn tám trăm ba mươi chín đồng*), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Anh H và chị S phải liên đới chịu 10.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị H và anh N phải liên đới chịu 3.634.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.290.500 đồng theo biên lai số 0009580 ngày 27/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G. Nên hoàn lại cho chị H và anh N 3.656.500 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh N, ông D (đại diện theo ủy quyền của chị H, anh N), anh H được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;

- VKSND huyện G;

- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu